

SỞ Y TẾ THÁI BÌNH  
BỆNH VIỆN NHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 352/TB-BVN

Thái Bình, ngày 17 tháng 8 năm 2023

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi: Các hãng sản xuất; Nhà cung cấp hóa chất tại Việt Nam.**

Bệnh viện Nhi Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Nhi Thái Bình 4 tháng cuối năm với nội dung cụ thể sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nhi Thái Bình; Địa chỉ: Số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Mr. Vũ Tú Anh; phòng Kế hoạch tổng hợp; số điện thoại: 0982.811.807; Địa chỉ email: [P.khth.bvn@gmail.com](mailto:P.khth.bvn@gmail.com).

3. Cách tiếp nhận báo giá.

- Bản giấy: Gửi về Mr. Vũ Tú Anh, phòng Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Nhi Thái Bình; Số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình; Số điện thoại liên hệ: 02273.643.282.

- File mềm: gửi vào email: [P.khth.bvn@gamil.com](mailto:P.khth.bvn@gamil.com).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8h00 ngày 18 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h00' ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 28/8/2023.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất: Chi tiết theo *Phụ lục 01* kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp hóa chất: Bệnh viện Nhi Thái Bình (số 02, phố Tôn Thất Tùng, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình)

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng làm nhiều lần theo nhu cầu của bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Thanh toán làm nhiều lần trên cơ sở hóa đơn, biên bản bàn giao, nghiệm thu của từng lần giao, nhận hàng hoặc thanh toán một lần sau khi thanh lý hợp đồng.

5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá theo *mẫu phụ lục 02* đính kèm.

Bệnh viện Nhi Thái Bình kính mời các Hãng sản xuất, Công ty, Doanh nghiệp, Nhà cung cấp hóa chất tại Việt Nam có năng lực, kinh nghiệm và khả năng cung cấp tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

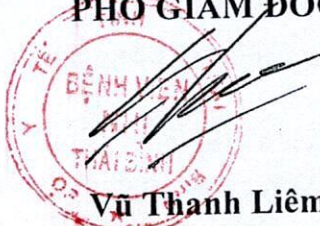
Bệnh viện Nhi Thái Bình xin trân trọng cảm ơn. /s/

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban GDBV (để báo cáo);
- Lưu: VT.

*Ước*

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Vũ Thanh Liêm**

## PHỤ LỤC 02: BIỂU MẪU BÁO GIÁ

Áp dụng với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

(Kèm theo Thông báo số: 352/TB-BVN, ngày 17/8/2023 của Bệnh viện Nhi Thái Bình)

TÊN ĐƠN VỊ CHÀO GIÁ

Số:....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng .... năm 2023



**BÁO GIÁ**

**Kính gửi: Bệnh viện Nhi Thái Bình**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số:.... /BVN-KHTH, ngày..... tháng.... năm 2023 của Bệnh viện Nhi Thái Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

STT	Danh mục thiết bị y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Phân loại TTB YT	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Mã HS	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho dịch vụ liên quan (VND)	Thuế phí, lệ phí (VNĐ)	Thành tiền (VND)
1	Danh mục A													
2	Danh mục B													
3	....													
...														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của trang thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày, kể từ ngày ... tháng... năm ...[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng...năm ...[ghi ngày...tháng...năm...kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

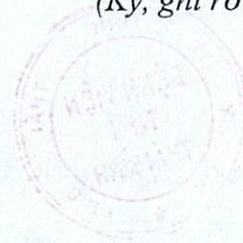
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của

pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng..... năm

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)



**Ghi chú:**

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin đề báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “ Danh mục trang thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5) Cột Phân loại trang thiết bị y tế (Loại A/B/C/D; nếu không có ghi: Không phân loại).

\*



## PHỤ LỤC 01: DANH MỤC HÓA CHẤT

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 352/TB-BVN ngày 17 tháng 8 năm 2023)

STT	Tên hoá chất y dụng cụ	Mô tả đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ	Đơn vị	Số lượng kế hoạch	Ghi chú
1	Dung dịch bảo dưỡng cho máy Ortho	Dung dịch gồm huyết thanh bò, muối vô cơ, và các chất bảo quản sử dụng trong bảo dưỡng hàng ngày cho hệ thống định nhóm máu tự động Thành phần: 7% albumin huyết thanh bò, muối vô cơ và chất bảo quản	Hộp	2	
2	Dung dịch tăng cường phản ứng	Dung dịch có nồng độ ion thấp (LISS) được sử dụng để tối ưu nồng độ ion cho sự bắt giữ kháng thể. Thành phần: Dung dịch đệm phosphat có nồng độ ion thấp (Liss)	Hộp	1	
3	Sinh phẩm chẩn đoán invitro	Cassette để thực hiện xét nghiệm xác định kháng thể nhóm máu ABO dự kiến và quy trình xét nghiệm phát hiện kháng thể ngưng kết trực tiếp. Thành phần: Cassette bao gồm có 6 cột: - Cột 1 đến 6: Chất tăng cường được tối ưu hóa để sử dụng trong xét nghiệm định nhóm máu ngược	Hộp	2	
4	Card xét nghiệm phản ứng hòa hợp, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường	Cassette để thực hiện xét nghiệm định tính để phát hiện kháng thể IgG dạng kết hợp với hồng cầu. Thành phần: Cassette bao gồm có 6 cột: - Cột 1 đến 6: Globulin kháng người, Anti-IgG (Thỏ) (Green)	Hộp	2	
5	Khoanh giấy kháng sinh Levofloxacin	- Khoanh giấy kháng sinh Thermo Scientific™ Oxoid™ được sử dụng trong kỹ thuật khuếch tán đĩa. - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Levofloxacin có nồng độ 5 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	2	
6	Khoanh giấy định danh Streptococcus pneumoniae	- Khoanh giấy Thermo Scientific™ Oxoid™ Optochin được sử dụng cho phân biệt Streptococcus pneumoniae - Khoanh giấy có đường kính 6mm - Khoanh giấy được tẩm Optochin có nồng độ 5 µg - Mỗi ống được hàn kín riêng, cùng với túi hút ẩm để duy trì độ ẩm < 2%, nhằm đảm bảo độ ổn định lâu dài của sản phẩm và dễ dàng lưu trữ - Sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	3	
7	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin)	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng PCT (procalcitonin) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. Các thuốc thử trong hộp được đựng trong một bộ các chai sẵn sàng để sử dụng.	Hộp	2	

8	Thuốc thử xét nghiệm IgE	Xét nghiệm miễn dịch dùng để định lượng globulin miễn dịch E trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp miễn dịch bất cặp (ECL/Sandwich) Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Tổng thời gian xét nghiệm 18 phút. Các thuốc thử trong hộp được đựng trong một bộ các chai sẵn sàng để sử dụng	Hộp	6	
9	Hóa chất xét nghiệm Ammonia, sử dụng cho máy hệ mở	Dải đo: 4.1 - 1174 $\mu\text{mol/L}$ . Phương pháp xét nghiệm: Động học enzym 2 điểm, UV, Chiều phản ứng giảm	Hộp	5	
10	Định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 $\mu\text{mol/L}$ ; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	Hộp	10	
11	Đo hoạt độ Lipase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Lipase ; dải đo: 3-600 U/L ; phương pháp: Kinetic colour (đo màu động học). Thành phần: 1,2-Diglyceride substrate 0.04 mmol/L; Monoglyceride lipase > 400 U/L; Glycerol kinase > 100 U/L; POD > 500 U/L; 4-Aminophenazone 0.25 mmol/L; TAPS (pH 8.7) 50 mmol/L; TOOS 1.0 mol/L; Chất hiệu chuẩn: Huyết thanh người chứa lipase lỵn.	Hộp	4	
12	Hóa chất xét nghiệm Zinc, sử dụng cho máy hệ mở	Dải đo: lên đến 400 $\mu\text{g/dL}$ . Phương pháp xét nghiệm: đo màu, Đo điểm cuối, Phản ứng động học tăng, Br-PAPS.	Hộp	10	
13	Định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần ; dải đo: 30-120 g/L ; phương pháp: Biuret. Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L.	Hộp	20	
14	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.	Lọ	10	
15	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật.	Lọ	10	
16	OSR6109 AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH $\geq 0.9$ kU/L; MDH $\geq 0.6$ kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	Hộp	10	
17	04880285190/ Cell Wash Solution I / NAOH-D	Cell Wash Solution I / NaOH-D được dùng làm dung dịch rửa có tính kiềm cho công phản ứng trên các hệ thống Roche/Hitachi.	Hộp	4	

18	Kít phát hiện các kháng thể kháng sốt xuất huyết IgM	<p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101 Đọc kết quả ở bước sóng 405nm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ đặc hiệu phân tích: không có phản ứng chéo đáng kể với FSME/TBE Virus IgM, Influenza A IgM và Leptospira IgM.</li> <li>- Độ nhạy lâm sàng: 96.2%</li> <li>- Độ đặc hiệu lâm sàng: &gt;99,3%</li> <li>- Độ chụm nội xét nghiệm: 1.9%; 3.1%; 6.8%</li> <li>- Độ chụm liên xét nghiệm: 5.2%; 7.7%; 5.8%</li> <li>- Độ ổn định: ổn định tại 2-8 oC trong 22 tháng</li> </ul>	Hộp	3	
19	Kít phát hiện các kháng thể kháng Sởi IgM	<p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101 Đọc kết quả ở bước sóng 405nm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy lâm sàng: 98,9%</li> <li>- Độ đặc hiệu lâm sàng: &gt; 99%</li> <li>- Độ chụm nội xét nghiệm: 1,9%; 2,1%; 2,8%</li> <li>- Độ chụm liên xét nghiệm: 9,3%; 5,2%; 5,2%</li> </ul> <p>Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với Mumps virus IgM, Virus cúm IgM, Virus Epstein-Barr VCA IgM, Adenovirus IgM, Rubella Virus IgM, Virus hợp bào hô hấp IgM, Parvovirus IgM, Chikungunya Virus IgM, Zika Virus IgM và virus Dengue IgM.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ ổn định: ổn định tại 2-8 oC trong 22 tháng</li> </ul>	Hộp	3	
20	Kít phát hiện các kháng thể kháng Quai bị IgM	<p>Tỉ lệ pha loãng: 1:101 Đọc kết quả ở bước sóng 405nm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy lâm sàng: &gt;99%</li> <li>- Độ đặc hiệu lâm sàng: 97,6 %</li> <li>- Độ chụm nội xét nghiệm: 4,1 - 6,3%</li> <li>- Độ chụm liên xét nghiệm: 2,9 - 6,5%</li> </ul> <p>Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với Measles virus IgM, Influenza virus IgM, Epstein-Barr Virus IgM, Adenovirus IgM, Virus Rubella IgM.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ ổn định: ổn định tại 2-8oC trong 22 tháng</li> </ul>	Hộp	3	
21	Kít phát hiện các kháng thể kháng Rubella IgM	<p>Xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện kháng thể IgG người kháng virus Rubella trong huyết thanh hoặc huyết tương.</p> <p>Thành phần bộ xét nghiệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khay vi giếng: 12 thanh, Các thanh xét nghiệm có thể bề rời, mỗi thanh có 8 giếng phù kháng nguyên ( tổng cộng 96) MTP, 1 khung Nguyên liệu phù đã bị bất hoạt.</li> <li>- Huyết thanh chuẩn: 2 x 2 ml, sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Huyết thanh chứng âm: 2 ml, sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Chất liên hợp kháng IgG người: 13 ml, sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Dung dịch rửa đậm đặc: 33,3 ml</li> <li>- Đệm pha loãng: 2 x 50 ml, sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Dung dịch dừng phản ứng: 15 ml, sẵn sàng sử dụng</li> <li>- Cơ chất: 13 ml, sẵn sàng sử dụng</li> </ul> <p>Tỉ lệ pha loãng 1:101, Tổng thời gian ủ 120 phút ở 37oC và 15 phút ở nhiệt độ phòng  Đọc kết quả ở bước sóng 405 nm  Độ nhạy: &gt;99%  Độ đặc hiệu: 96.8%  Độ chụm nội xét nghiệm: 2.4%, 2.9%, 2.4%  Độ chụm liên xét nghiệm: 4.9%, 3.4%, 2.9%  Độ đặc hiệu: không có phản ứng chéo đáng kể với Cytomegalovirus IgM, Epstein-Barr Virus IgM, Herpes Simplex Virus IgM, Measles Virus IgM, Mumps Virus IgM, Toxoplasma gondii IgM, Varicella Zoster Virus IgM, Parvovirus IgM, Zika Virus IgM, Chikungunya Virus IgM và Dengue Virus IgM</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ ổn định: ổn định tại 2-8oC trong 22 tháng</li> </ul>	Hộp	3	
22	Hóa chất dùng cho máy đông máu để định lượng Fibrinogen	<p>Thành phần bao gồm THROMBIN : Mỗi lọ chứa xấp xỉ 100 đơn vị NIH/1ml bovine thrombin cùng chất ổn định</p>	Lọ	25	

A